TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

Phụ lục số 2

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ NƯỚC UỐNG HỌC SINH

Năm học 2023-2024

- Căn cứ kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ ...

- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học

- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 1.220 Học sinh

-Giá nước 1 bình 18,9 lít, chưa gồm công vận chuyển lên các khu nhà học: 25.000/bình

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4=2*3*	*5*	*6=4*5*	*11*
I.	**Đối với cơ sở giáo dục mua nước uống**							
	Đối với học 02 buổi/ngày							
1	Mua nước uống	Bình	519	25.000	12.975.000	9	116.775.000	- Bình quân số lượng nước uống 01 học sinh/ 2 buổi vào tháng 9, 10, 3, 4. 5: 0,5 lít/ngày - Bình quân số lượng nước uống 01 học sinh/ 2 buổi vào tháng 11, 12, 01, 02: 0,2 lít/ngày - Bình quân số lượng nước uống 01 học sinh/ 2 buổi / năm học (0,5*5 tháng) + (0,2*4tháng) /9 tháng =0,366 - Bình quân số lượng nước uống 01 lớp/ 2 buổi (0.366 lít x 34 hs= 12,466 lít/ ngày - Bình quân số lượng nước uống 01 lớp/ tháng (12,47 lít x 22 ngày= 274lít/tháng/1lớp) - Số lượng nước uống tổng các lớp/ tháng (274 lít x 36 lớp = 9,864lít/ tháng/19 lít/ bình = 519 bình/tháng)
2	Người phục vụ quản lý, cấp phát nước	Phòng	36	50.000	1.800.000	9	16.200.000	Phục vụ nước đến lớp học
	Tổng cộng				**14.775.000**	**18**	**132.975.000**	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú: Làm tròn mức thu
1	Tổng kinh phí chi	Đồng	132.975.000	
2	Tổng số học sinh toàn trường	HS	1.220	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	**Số tiền thu học sinh/tháng (7=1/2/3)**	**Đồng**	**12.111**	**12000**

Ban đại diện cha mẹ học sinh	Đại diện công đoàn nhà trường	Kế toán	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Giang Nam	Vũ Thị Hường	Vũ Thị Mỹ Hạnh	Vũ Thị Hoàng Yến

TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

Phụ lục số 1

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ TỔ CHỨC BÁN TRÚ TẠI TRƯỜNG
Năm học 2023 -2024

- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học

- Tổng số học sinh,trẻ tham gia dịch vụ: 1.060 Học sinh/ 36 lớp

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Phần chi							Ghi chú
		Tỷ lệ tối thiểu (%)	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	*B*	*1*		*2*	*3*	*4=2*3*	*5*	*6=4*5*	*7*
	Tổng chi 1+2					**675.240.378**	**9**	**6.077.163.400**	
1	**Quản lý học sinh trong giờ bán trú**					**162.200.378**	**9**	**1.459.803.400**	**Tiền lương bình quân 01 giờ theo phụ lục 4.1**
1,1	Chi trả giáo viên trực tiếp quản lý hs trong giờ bán trú.		Người	*30*	*4.375.800*	*131.274.000*	9	1.181.466.000	66,300/giờ x 3h x 22 ngày
1,2	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)					13.369.400	9	120.324.600	Theo quyết định phân công cán bộ tham gia trực tiếp quản lý công tác bán trú, mức chi do đơn vị tự thoả thuận
	- Kế toán		Người	1	1.808.400	*1.808.400*	9	16.275.600	68.500đ/giờ x 1,2 giờ = 82.200 x 22 ngày
	- Thủ quỹ		Người	1	1.507.000	*1.507.000*	9	13.563.000	68.500đ/giờ 1h x 22 ngày
	- Y Tế		Người	1	1.507.000	*1.507.000*	9	13.563.000	68.500đ/giờ x 1 giờ x 22 ngày
	- Lãnh đạo phụ trách (03 người)			1	8.547.000	8.547.000	9	76.923.000	129.500đ/giờ x 3 giờ = 388.500 x 22 ngày
1.3	Thuế 10%					17.556.978	9	158.012.800	
2	**Tiền ăn**					**513.040.000**	9	**4.617.360.000**	
2.1	Đặt cơm xuất (22.000 đồng/ suất x 22 = 484,000)		Suất	1060	484.000	513.040.000	9	4.617.360.000	Đơn vị cung cấp suất ăn chi trả chi hồ sơ đấu thầu (Nếu thực hiện đấu thầu)

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính		Số lượng	Ghi chú (Làm tròn mức thu 01 tháng)
	Quản lý học sinh trong giờ bán trú				
1	Tổng kinh phí chi năm	Đồng		**1.459.803.400**	
2	Tỷ lệ học sinh/ lớp	Hs/lớp		30,28	
3	Tổng số tháng học	Tháng		9	
4	Tổng số giờ quản lý/ tháng	Giờ dạy/thang		66	**22 ngày * 3 giờ**
5	Tổng số giờ quản lý/ năm (5=3*4)	Giờ dạy/năm		22.572	
6	Số tiền thu 1 giờ quản lý/ lớp (6=1/5)	Đồng		**64.673**	
7	***Số tiền thu 1 học sinh/giờ quản lý*** *7=6/2)*	Đồng		**2.136**	**2,136đ/giờ/học sinh x 3 giờ /Ngày =6408 (Làm tròn 6,300đ/ ngày x22 ngày = 138,600/tháng)**
	Tiền ăn				
1	Tổng kinh phí chi năm	Đồng		**4.617.360.000**	
2	Tổng số trẻ	Trẻ		**1060**	
3	Tổng số tháng học	Tháng		**9**	
4	Số tiền thu 1 trẻ, học sinh/tháng (4=1/2/3)	Đồng		**484.000**	
5	***Số tiền thu 1 trẻ, học sinh/tháng*** *(5=4/22 ngày)*	Đồng		**22.000**	

Ban đại diện cha mẹ học sinh | **Đại diện công đoàn nhà trường** | **Kế toán** | **Thủ trưởng đơn vị**

Bùi Giang Nam | **Vũ Thị Hương** | **Vũ Thị Mỹ Hạnh** | **Vũ Thị Hoàng Yến**

TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

Phụ lục số 7

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ HỌC KỸ NĂNG SỐNG

Năm học 2023-2024

- Căn cứ kế hoạch (Đề án) được phê duyệt số..... ngày ..... Tháng..... Năm..... Của.....

- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học

- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 900 Học sinh, Số HS bình quân mỗi lớp: 25 hs, học 2 tiết/tuần (8 tiết/tháng)

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối đa %	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	*B*		*1*	*2*	*3*	*4=2*3*	*5*	*6=4*5*	*11*
1	**Chi trả đơn vị liên kết đào tạo**	*69,64%*				**75.215.092**	9	**676.935.828**	*Hợp đồng*
1,1	Chi trả đơn vị liên kết đào tạo	*69,64%*				75.215.092	9	676.935.828	
2	**Chi tại trường**	*28,36%*				**24.524.908**	**9**	**220.724.172**	
2,1	***Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)***					**21.648.000**	**9**	**194.832.000**	
	- Kế toán		Giờ	22	80.000	1.760.000	9	15.840.000	1h/ngày x 22 ngày. Tiền lương bình quân theo phụ lục 4.1 của kế toán thủ quỹ
	- Thủ quỹ		Giờ	11	80.000	880.000	9	7.920.000	0,5h/ngày x 22 ngày Tiền lương bình quân theo phụ lục 4.1 của kế toán thủ quỹ
	- Lãnh đạo phụ trách (3 đ/c)		Giờ	72	129.000	9.288.000	9	83.592.000	Thời gian 2 giờ/lớp/tháng x 36 lớp = 72 giờ Tiền lương phụ lục 4.1 của cán bộ quản lý
	- GV quản lý lớp (Đầu giờ và giờ chuyển tiết)		Giờ	108	90.000	9.720.000	9	87.480.000	Thời gian 3 giờ/lớp/tháng x 36 lớp = 108 giờ Tiền lương phụ lục 4.1 của giáo viên
2,2	***Phục vụ vệ sinh, điện, nước, nước uống***					***2.876.908***	***9***	***25.892.172***	
	Lao công vệ sinh		Lớp		30.000	-	9	-	30.000đ/lớp/tháng
	Nước rửa tay Liboy 493ml		Chai	22	63.000	1.386.000	9	12.474.000	01 chai/ ngày
	Nước lau sàn Sunlight diệt khuẩn biển xanh (1 kg)		Chai		34.000	-	9	-	01 chai/ ngày
	Giấy vệ sinh công nghiệp 1,2Kg		Cuộn	22	35.000	770.000	9	6.930.000	01 cuộn/ ngày
	Quạt trần : 75 w/chiếc		KW	32	1948	62.336	9	561.024	36 lớp x 4 quạt = 144 chiếc x 75w x 3h/1000 = 32 số điện
	Bóng đèn tuýp: 40w/ chiếc		KW	69	1948	134.412	9	1.209.708	16 bóng x 36 lớp = 576cái x 40W x 3 h/1000 = 69 số điện
	Nước sinh hoạt		M3	36	14.560	524.160	9	4.717.440	1m3 nước x 36 lớp
	Nước uống bình Quang hanh		Bình		25.000	-	9	-	1 bình x 36 lớp = 36 bình
3	***Thuế***	***2,00%***	***2%***			***2.160.000***	***9***	***19.440.000***	77000
4	***Khấu hao cơ sở vật chất***		***Lớp***	***36***	***100.000***	***3.600.000***	***9***	***32.400.000***	
3	***Chi phí trong đấu thầu***					***2.500.000***	***9***	***22.500.000***	
	Tổng cộng (1+2+3)					**108.000.000**	**9**	**972.000.000**	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú (Làm trong mức thu)
1	Tổng kinh phí chi cả năm/lớp	Đồng	27.000.000	
2	Số học sinh/ lớp	Hs/ lớp	25,00	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Tổng số giờ dạy/ tháng	Giờ dạy/thang	8	
5	Tổng số giờ dạy/ năm(5=3*4)	Giờ dạy/năm	72	
6	Số tiền thu 1 giờ dạy/ lớp (6=1/5)	Đồng	375.000	
7	**Số tiền thu của 1 học sinh, giờ dạy** (7=6/2)	Đồng	15.000	**15.000**

Ban đại diện cha mẹ học sinh **Đại diện công đoàn nhà trường** **Kế toán** **Thủ trưởng đơn vị**

Bùi Giang Nam **Vũ Thị Hương** **Vũ Thị Mỹ Hạnh** **Vũ Thị Hoàng Yến**

TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

Phụ lục số 5

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ HỌC NGOẠI NGỮ CÓ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI DẠY

Năm học 2023-2024

- Căn cứ kế hoạch (Đề án) được phê duyệt số..... ngày ..... Tháng..... Năm..... Của.....

- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học

- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 900 Học sinh, Số HS bình quân mỗi lớp: 25 hs, học 2 tiết/tuần (8 tiết/tháng)

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối đa %	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	*B*		*1*	*2*	*3*	*4=2*3*	*5*	*6=4*5*	*11*
1	**Chi trả đơn vị liên kết đào tạo**	*80,26%*				**172.003.092**	9	**1.548.027.828**	*Hợp đồng*
1,1	Chi trả đơn vị liên kết đào tạo cung cấp giáo viên người nước ngoài	*71,39%*				152.995.092	9	1.376.955.828	
1,2	*Chi trả thù lao cho giáo viên trợ giảng của trung tâm liên kết*	*8,87%*	*Giờ dạy*	288	66.000	19.008.000	*9*	*171.072.000*	Số giờ: 36 lớp x 8 giờ/ tháng = 288 giờ. Tiền lương 01 giờ theo phụ lục số 4.1 đối với giáo viên dạy Tiếng Anh
2	**Chi tại trường**	*17,74%*				**31.896.908**	**9**	**287.072.172**	
2,1	***Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)***					**26.292.000**	**9**	**236.628.000**	
	- Kế toán		Giờ	22	80.000	1.760.000	9	15.840.000	1h/ngày x 22 ngày. Tiền lương bình quân theo phụ lục 4.1 của kế toán thủ quỹ
	- Thủ quỹ		Giờ	11	80.000	880.000	9	7.920.000	0,5h/ngày x 22 ngày Tiền lương bình quân theo phụ lục 4.1 của kế toán thủ quỹ
	- Lãnh đạo phụ trách (3 đ/c)		Giờ	108	129.000	13.932.000	9	125.388.000	Thời gian 3 giờ/lớp/tháng x 36 lớp = 108 giờ Tiền lương phụ lục 4.1 của cán bộ quản lý
	- GV quản lý lớp (Đầu giờ và giờ chuyển tiết)		Giờ	108	90.000	9.720.000	9	87.480.000	Thời gian 3 giờ/lớp/tháng x 36 lớp = 108 giờ Tiền lương phụ lục 4.1 của giáo viên
2,2	***Phục vụ vệ sinh, điện, nước, nươc uống***					***5.604.908***	***9***	***50.444.172***	
	Lao công vệ sinh		Lớp	36	30.000	1.080.000	9	9.720.000	30.000đ/lớp/tháng
	Nước rửa tay Liboy 493ml		Chai	22	63.000	1.386.000	9	12.474.000	01 chai/ ngày
	Nước lau sàn Sunlight diệt khuẩn biển xanh (1 kg)		Chai	22	34.000	748.000	9	6.732.000	01 chai/ ngày
	Giấy vệ sinh công nghiệp 1,2Kg		Cuộn	22	35.000	770.000	9	6.930.000	01 cuộn/ ngày
	Quạt trần : 75 w/chiếc		KW	32	1948	62.336	9	561.024	36 lớp x 4 quạt = 144 chiếc x 75w x 3h/1000 = 32 số điện
	Bóng đèn tuýp: 40w/ chiếc		KW	69	1948	134.412	9	1.209.708	16 bóng x 36 lớp = 576cái x 40W x 3 h/1000 = 69 số điện
	Nước sinh hoạt		M3	36	14.560	524.160	9	4.717.440	1m3 nước x 36 lớp
	Nước uống bình Quang hanh		Bình	36	25.000	900.000	9	8.100.000	1 bình x 38 lớp = 36 bình
3	***Thuế***	***2,00%***	***2%***			***4.320.000***	***9***	***38.880.000***	77000
4	***Khấu hao cơ sở vật chất***		***Lớp***	***36***	***100.000***	***3.600.000***	***9***	***32.400.000***	

3	*Chi phí trong đấu thầu*					*2.500.000*	*9*	*22.500.000*	
	Tổng cộng (1+2+3)					**214.320.000**	**9**	**1.928.880.000**	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú (Làm trong mức thu)
1	Tổng kinh phí chi cả năm/lớp	Đồng	53.580.000	
2	Số học sinh/ lớp	Hs/ lớp	25,00	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Tổng số giờ dạy/ tháng	Giờ dạy/thang	8	
5	Tổng số giờ dạy/ năm(5=3*4)	Giờ dạy/năm	72	
6	Số tiền thu 1 giờ dạy/ lớp (6=1/5)	Đồng	744.167	
7	**Số tiền thu của 1 học sinh, giờ dạy** (7=6/2)	Đồng	29.767	**30.000**

Ban đại diện cha mẹ học sinh	Đại diện công đoàn nhà trường	Kế toán	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Giang Nam	Vũ Thị Hương	Vũ Thị Mỹ Hạnh	Vũ Thị Hoàng Yến

TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ GIÁO DỤC STEM

Năm học 2023-2024

- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học

- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 588 Học sinh, Số HS bình quân mỗi lớp: 29 hs, học 2 tiết/tuần (8 tiết/tháng)

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối đa %	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	*B*		*1*	*2*	*3*	*4=2*3*	*5*	*6=4*5*	*11*
1	**Chi trả đơn vị liên kết đào tạo**	*78%*				**73.526.712**	9	**661.740.408**	*Hợp đồng*
1,1	Chi trả đơn vị liên kết đào tạo	*74%*				69.942.712	9	629.484.408	
1,2	*Chi trả thù lao cho giáo viên trợ giảng của đơn vị liên kết*	*4%*	*Giờ dạy*	160	66.000	3.584.000	*9*	*32.256.000*	Số giờ: 20 lớp x 8 giờ/ tháng = 160 giờ. Tiền lương 01 giờ theo phụ lục số 4.1 đối với giáo viên dạy Tiếng Anh
2	**Chi tại trường**	*20%*				**14.171.688**	**9**	**127.545.192**	
2,1	***Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)***					**12.000.000**	**9**	**108.000.000**	
	- Kế toán		Giờ	11	80.000	880.000	9	7.920.000	0,5h/ngày x 22 ngày Tiền lương bình quân theo phụ lục 4.1 của kế toán thủ quỹ
	- Thủ quỹ		Giờ	7	80.000	560.000	9	5.040.000	0,3h/ngày x 22 ngày Tiền lương bình quân theo phụ lục 4.1 của kế toán thủ quỹ
	- Lãnh đạo phụ trách (3 đ/c)		Giờ	40	129.000	5.160.000	9	46.440.000	Thời gian 2 giờ/lớp/tháng x 20 lớp = 40 giờ Tiền lương phụ lục 4.1 của cán bộ quản lý
	- GV quản lý lớp (Đầu giờ và giờ chuyển tiết)		Giờ	60	90.000	5.400.000	9	48.600.000	Thời gian 3 giờ/lớp/tháng x 20 lớp = 60 giờ Tiền lương phụ lục 4.1 của cán bộ quản lý
2,2	***Phục vụ vệ sinh, điện, nước, nước uống***					***2.171.688***	***9***	***19.545.192***	
	Nhân viên vệ sinh		Lớp	20	30.000	600.000	9	5.400.000	30.000đ/lớp/tháng
	Nước rửa tay Liboy 493ml		Chai	11	63.000	693.000	9	6.237.000	0.5 chai/ ngày x 22 ngày
	Nước lau sàn Sunlight diệt khuẩn biển xanh (1 kg)		Chai	11	34.000	374.000	9	3.366.000	0.5 chai/ ngày x 22 ngày
	Quạt trần : 75 w/chiếc		KW	18	1948	35.064	9	315.576	20 lớp x 4 quạt x 75w x 3h/1000 = 18 số điện
	Bóng đèn tuýp: 40w/ chiếc		KW	38	1948	74.024	9	666.216	16 bóng x 20 lớp x 40W x 3 h/1000 = 38 số điện
	Nước sinh hoạt		M3	10	14.560	145.600	9	1.310.400	0.5m3 nước x 20 lớp 10m3
	Nước uống bình Quang hanh		Bình	10	25.000	250.000	9	2.250.000	0.5 bình x 20 lớp = 10 bình
3	***Thuế***	***2,00%***	***2%***			***1.881.600***	***9***	***16.934.400***	

4	*Khấu hao cơ sở vật chất*		*Lớp*	*20*	*100.000*	*2.000.000*	*9*	*18.000.000*	0
3	*Chi phí trong đấu thầu*					*2.500.000*	*9*	*22.500.000*	0
	Tổng cộng (1+2+3)					**94.080.000**	**9**	**846.720.000**	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú (Làm trong mức thu)
1	Tổng kinh phí chi cả năm/lớp	Đồng	42.336.000	
2	Số học sinh/ lớp	Hs/ lớp	29	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Tổng số giờ dạy/ tháng	Giờ dạy/thang	8	
5	Tổng số giờ dạy/ năm(5=3*4)	Giờ dạy/năm	72	
6	Số tiền thu 1 giờ dạy/ lớp (6=1/5)	Đồng	588.000	
7	**Số tiền thu của 1 học sinh, giờ dạy** (7=6/2)	Đồng	20.000	**20.000**

Ban đại diện cha mẹ học sinh

Bùi Giang Nam

Đại diện công đoàn nhà trường

Vũ Thị Hương

Kế toán

Vũ Thị Mỹ Hạnh

Thủ trưởng đơn vị

Vũ Thị Hoàng Yến